

Số: *13* /2014/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *07* tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ
quản lý sử dụng xe chuyên dùng trong các cơ quan, đơn vị nhà nước
thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HDND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước; số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 103/2007/TT-BTC ngày 29/8/2007 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ; số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; số 06/2011/TT-BTC ngày 14/01/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 103/2007/TT-BTC ngày 29/8/2007 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 06/2011/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 về việc quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Hưng Yên; số 25/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc sửa đổi Mục a, Khoản 2, Điều 6, Chương 2, Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 09/3/2011;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 318/TT-STC ngày 03/9/2014 về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe chuyên dùng cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Hưng Yên,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe chuyên dùng trong cơ quan, đơn vị nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH Một thành viên thuộc tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH Một thành viên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH^D.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Doãn Thế Cường

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý sử dụng xe chuyên dùng trong các cơ quan, đơn vị nhà nước thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý
(Kèm theo Quyết định số 13 /2014/QĐ-UBND ngày 07 /10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH Một thành viên thuộc tỉnh Hưng Yên.

2. Xe chuyên dùng thuộc phạm vi áp dụng trong quy định này bao gồm:

2.1. Xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ như: Xe cứu thương, xe cứu hỏa, xe chở tiền, xe chở phạm nhân, xe quét đường, xe phun nước, xe chở rác, xe ép rác, xe sửa chữa lưu động, xe trang bị phòng thí nghiệm, xe thu phát điện báo, xe sửa điện, xe kéo, xe cần cẩu, xe sát hạch lái xe, xe tang,...

2.2. Xe sử dụng cho nhiệm vụ đặc thù của ngành như: Xe thanh tra giao thông, xe phát thanh truyền hình lưu động, xe hộ đê, xe tập lái, xe chở diễn viên đi biểu diễn, xe chở vận động viên đi tập luyện và thi đấu, xe chở quân,... có dấu hiệu riêng được in rõ trên thành xe; ngoài nhiệm vụ quy định không được sử dụng cho việc khác.

2.3. Xe sử dụng cho các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội như: Xe phòng chống dịch, xe kiểm lâm, xe phòng chống lụt bão, xe chống buôn lậu, xe kiểm tra, kiểm soát thị trường, xe ô tô chở các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đi tiếp xúc cử tri,...

2.4. Các quy định khác về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại tại các cơ quan, đơn vị của nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH Một thành viên không nêu trong quy định này thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Trang bị số lượng, tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng

Việc trang bị xe chuyên dùng cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Hưng Yên cụ thể như sau:

1. Về số lượng, tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng:

Số lượng, tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị của nhà nước thuộc tỉnh Hưng Yên như sau:

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Giá tối đa (trđ/xe)	Mục đích sử dụng
1	Sở Giao thông Vận tải			
1.1	Thanh tra giao thông	04	Đặc thù 450	Xe cứu hộ giao thông Xe thanh tra, tuần tra (xe bán tải)
2	Sở Nông nghiệp và PTNT			
2.1	Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão	01	1.000	Xe phòng chống lụt bão
2.2	Chi cục thú y	01	450	Xe phòng chống dịch (xe bán tải)
2.3	Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT	01	450	Xe vận chuyển hóa chất, thiết bị xét nghiệm nước (xe bán tải)
2.4	Chi cục Bảo vệ thực vật	01	450	Xe kiểm tra tình hình sâu bệnh, kiểm tra lấy mẫu xét nghiệm chất lượng thuốc BVTV
2.5	Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm, sản và thủy sản	01	450	Kiểm tra lấy mẫu thực phẩm, nông sản, thức ăn chăn nuôi
3	Sở Y tế			
3.1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	04	850	Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
3.2	Bệnh viện Đa khoa Phố Nội	04	850	Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
3.3	Bệnh viện Sản - Nhi	03	850	Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
3.4	Bệnh viện Mắt	01	850	Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
3.5	Bệnh viện Tâm thần kinh	01	850	Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
3.6	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	01	850	Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
3.7	Bệnh viện Y học cổ truyền	01	850	Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
3.8	Trung tâm Truyền thông GDSK	01	450	Xe phục vụ công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe cộng đồng (xe bán tải)
3.9	Trung tâm Y tế dự phòng	03	Đặc thù	01 xe phục vụ công tác điều tra, giám sát, xử lý dịch; 01 xe phục vụ công tác lấy mẫu, bảo quản mẫu;

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Giá tối đa (trđ/xe)	Mục đích sử dụng
				01 xe chở máy, thiết bị phun hóa chất xử lý các ổ dịch
3.10	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm - Thực phẩm	01	450	Xe kiểm tra lấy mẫu kiểm nghiệm (xe bán tải)
3.11	Trung tâm Chăm sóc SKSS	01	850	Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
3.12	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS	01	850	Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
3.13	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	01	450	Xe kiểm tra lấy mẫu kiểm nghiệm (xe bán tải)
3.14	Trung tâm Giám định y khoa	01	800	Xe phục vụ công tác khám giám định bệnh nhân
3.15	Chi cục Dân số KHHGD	01	800	Truyền thông, tư vấn tại cộng đồng, giám sát hoạt động dân số KHHGD tại 10 huyện, thành phố
3.16	Trung tâm y tế huyện, thành phố			
	<i>Trung tâm y tế có trên 100 giường bệnh</i>	02	850	<i>Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân</i>
	<i>Trung tâm y tế còn lại</i>	01	850	<i>Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân</i>
4	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch			
4.1	Nhà hát chèo	04	1.500 Đặc thù	- 02 xe phục vụ chở diễn viên đi biểu diễn (29 chỗ) - 02 xe chở trang phục, đạo cụ
4.2	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng	01	450	Xe chở phục vụ chiếu phim lưu động, xe chở thiết bị chiếu phim trên địa bàn 161 xã phường, thị trấn (bán tải)
4.3	Trung tâm Văn hóa thông tin	01	450	Xe tuyên truyền thông tin lưu động (bán tải)
4.4	Trung tâm Xúc tiến du lịch	01	800	Xe chở hướng dẫn viên du lịch
4.5	Trường nghiệp vụ TDTT	01	1.500	Xe chở vận động viên đi thi đấu
4.6	Trường Trung cấp VHNT và Du lịch	01	800	Xe chở thiết bị âm thanh, đưa học viên đi thực tập,

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Giá tối đa (trđ/xe)	Mục đích sử dụng
				hội diễn, phục vụ các chương trình của tỉnh
4.7	Bảo tàng tỉnh	01	450	Xe chuyên dụng phục vụ vận chuyển tài liệu, hiện vật trưng bày lưu động tại các điểm tuyên truyền, sưu tầm, tài liệu, hiện vật trên địa bàn tỉnh và tỉnh bạn (xe bán tải)
4.8	Thư viện tỉnh	01	450	Xe chuyên chở đầu sách (xe bán tải)
5	Trường Cao đẳng Sư phạm	01	1.500	Xe 29 chỗ chở sinh viên đi thực tập và các hoạt động khác
6	Trường Cao đẳng Y tế	01	800	Xe đưa đón giảng viên
7	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	01	1.500	Xe 29 chỗ chở cán bộ nghỉ hưu đi điều dưỡng theo chế độ của tỉnh
8	Sở Khoa học và Công nghệ			
	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	01	450	Xe chuyên chở dụng cụ đo chuẩn đi kiểm tra đo lường chất lượng thường xuyên (xe bán tải)
9	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	03	Đặc thù	Xe truyền hình lưu động, xe chuyên dùng chở phóng viên đi sản xuất tin bài, xe chuyên dùng lưu động dùng sản xuất các chương trình giao lưu, phóng sự, văn nghệ tại xã, phường, thị trấn
10	Sở Lao động TB&XH			
10.1	Trung tâm Điều dưỡng tâm thần kinh	01	850	Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
10.2	Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội	01	850	Xe cứu thương vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
10.3	Trung tâm Điều dưỡng người có công Ân Thi	01	800	Đưa đón người có công đi điều dưỡng
11	Đoàn TNCSHCM tỉnh			
11.1	Nhà thiếu nhi	01	800	Xe 16 chỗ chở thiếu nhi hoạt động các nhiệm vụ

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Giá tối đa (trđ/xe)	Mục đích sử dụng
				của tỉnh
12	Sở Công Thương			
12.1	Chi cục Quản lý thị trường	01	800	Xe chống buôn lậu
13	Văn phòng UBND tỉnh	02	1.000	01 xe phục vụ phòng chống lụt bão; 01 xe phục vụ công tác hộ đê
14	Văn phòng Tỉnh ủy	01	1.000	Phục vụ phòng chống lụt bão
15	Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh	01	1.000	Xe chở đại biểu đi tiếp xúc cử tri
16	Sở Tài nguyên và Môi trường			
16.1	Trung tâm Quan trắc	01	450	Kiểm tra, lấy mẫu, quan trắc phân tích môi trường (xe bán tải)
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư			
17.1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	01	800	Phục vụ công tác xúc tiến, vận động đầu tư và trợ giúp phát triển doanh nghiệp
18	Công ty TNHH một thành viên			
18.1	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và Thoát nước TP Hưng Yên	03	Đặc thù	Phục vụ công việc hút bùn, chở bùn, nạo vét hệ thống thoát nước đô thị
18.2	Công ty TNHH Một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên	28	Đặc thù	08 xe chở rác; 03 xe phun nước tưới rửa đường; 02 xe đầu kéo container; 01 xe quét đường; 02 xe hút bể phốt; 02 xe thang nâng sửa chữa điện; 03 xe chở thi hài; 02 xe ca chở thân nhân; 02 xe ô tô tải ben; 01 xe ủi bánh xích; 01 xe máy xúc đào bánh lốp; 01 xe xúc lật
18.3	Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Hưng Yên	01	800	Xe chở tiền, vé xổ số
19	Hạt Giao thông thành phố	02	450	Phục vụ tuần tra ATGT và công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Giá tối đa (trđ/xe)	Mục đích sử dụng
20	UBND huyện Mỹ Hào	03	Đặc thù	Xe chở rác
21	UBND các huyện còn lại (không tính UBND TP Hưng Yên)	02	Đặc thù	Xe chở rác

2. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị của Nhà nước thuộc tỉnh được giao nhiệm vụ cần phải bố trí xe chuyên dùng (không vượt quá số lượng quy định tại Khoản 1 Điều này) đề xuất nhu cầu trang bị: Số lượng, chủng loại, mức giá không vượt quá mức giá quy định tại Khoản 1 Điều này; sở quản lý chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố phối hợp với Sở Tài chính rà soát nhu cầu thực tế và điều kiện khả năng ngân sách để trình Hội đồng nhân dân tỉnh và UBND tỉnh quyết định.

3. Trường hợp trên thị trường giá mua xe có biến động tăng cao hơn mức giá quy định tại Khoản 1 Điều này mà không thực hiện được việc mua sắm; các cơ quan, đơn vị được mua xe báo cáo Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

4. Trên cơ sở số lượng xe chuyên dùng được trang bị, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng xe có trách nhiệm tổ chức xây dựng quy chế quản lý, sử dụng xe chuyên dùng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

5. Đối với các đơn vị được trang bị xe đặc thù, giao Sở Tài chính trình UBND tỉnh quy định giá tối đa làm cơ sở giao dự toán.

Điều 3. Quản lý, sử dụng xe chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị Nhà nước trên địa bàn tỉnh

1. Tất cả các loại xe chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị nhà nước thuộc tỉnh Hưng Yên, giao thủ trưởng cơ quan, đơn vị có xe tổ chức quản lý, bảo quản, sử dụng. Ngoài thời gian phục vụ công việc chung, xe chuyên dùng được bảo quản tại các cơ quan, đơn vị được trang bị xe, không được sử dụng xe chuyên dùng vào việc riêng và mục đích cá nhân.

2. Các cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh trên cơ sở xe chuyên dùng được trang bị, xây dựng quy chế quản lý, chi phí sử dụng cho từng xe, trình cấp giao dự toán phê duyệt để thực hiện thanh toán và hạch toán chi phí sử dụng thực tế cho từng đầu xe và phải thực hiện công khai cùng với việc công khai sử dụng kinh phí hàng năm của đơn vị.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng xe chuyên dùng theo đúng quy định tại Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành

quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước; số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước; các Thông tư của Bộ Tài chính số 103/2007/TT-BTC ngày 29/8/2007; số 06/2011/TT-BTC ngày 14/01/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 103/2007/TT-BTC ngày 29/8/2007 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007; số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và quy định tại Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

